

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 17 - 10 - 2019.
v/v “kiện xin ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Trịnh Văn Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp kiện xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị L.A, sinh năm 1988.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Khánh T, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố NS, phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị L.A, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị L.A có quan điểm:

Chị và anh Nguyễn Khánh T kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái vào ngày 28/11/2007 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Trước khi cưới hỏi và kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp bất đồng về quan điểm sống và cách sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T.

* Tại bản tự khai và hòa giải anh Nguyễn Khánh T có quan điểm:

Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như chị L.A khai là đúng. Tuy nhiên, anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và trách nhiệm với hai con còn rất lớn. Do vậy, chị L.A có đơn xin ly hôn anh không đồng ý và anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Chị Đoàn Thị L.A và anh Nguyễn Khánh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đoàn Ngọc T1, sinh ngày 22/7/2008 (con trai) và cháu Nguyễn Ngân K, sinh ngày 28/4/2014 (con gái). Nếu vợ chồng ly hôn chị L.A xin nuôi cháu Ngân K và giao anh T nuôi cháu Ngọc T1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi 01 con chung. Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị L.A không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị L.A có quan điểm: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm như trước đó đã trình bày tại Tòa án. Về hôn nhân chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung chị xin được nuôi cháu Nguyễn Ngân K, sinh ngày 28/4/2014 (con gái) vì cháu Ngân K hiện nay còn nhỏ mà cháu lại là con gái cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, còn giao anh T nuôi cháu T1 và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

* Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cụ thể vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đoàn Thị L.A với anh Nguyễn Khánh T. Xử lý hôn giữa chị Đoàn Thị L.A với anh Nguyễn Khánh T.

- Về con chung: Giao chị Đoàn Thị L.A được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngân K, sinh ngày 28/4/2014 (con gái). Giao anh Nguyễn Khánh T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đoàn Ngọc T1, sinh ngày 22/7/2008 (con trai) cho đến khi cháu Ngân K và cháu Ngọc T1 đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L.A phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị L.A có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn là anh Nguyễn Khánh T có nơi cư trú tại tổ dân phố NS, phường CS, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị L.A và anh Nguyễn Khánh T kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái vào ngày 28/11/2007, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị L.A, Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi kết hôn vợ chồng chị L.A và anh T sống với nhau thời gian gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Hai bên đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống. Nguyên vọng của anh T xin đoàn tụ vợ chồng nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và vợ chồng ngày càng xa cách. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị L.A, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần Tắt, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.A là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Đoàn Ngọc T1, sinh ngày 22/7/2008 (con trai) và cháu Nguyễn Ngân K, sinh ngày 28/4/2014 (con gái). Xét nguyện vọng muốn được nuôi con chung của chị L.A và anh T khi vợ chồng ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng được nuôi con

chung của chị L.A và anh T là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó cần giao cho chị L.A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ngân K và giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ngọc T1 là phù hợp với thực tế và pháp luật. Không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L.A phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa: Chị Đoàn Thị L.A và anh Nguyễn Khánh T.

[2] Về con chung: Giao chị Đoàn Thị L.A được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Ngân K, sinh ngày 28/4/2014 (con gái). Giao anh Nguyễn Khánh T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Đoàn Ngọc T1, sinh ngày 22/7/2008 (con trai) cho đến khi cháu Ngân K và cháu Ngọc T1 đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

[3] Án phí: Chị Đoàn Thị L.A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị L.A được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0002165 ngày 19/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Đoàn Thị L.A đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: chị Đoàn Thị L.A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Khánh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã Đại Đồng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuyên